

LUẬN ÁN TIẾN SĨ XÃ HỘI HỌC
NGUYỄN HỒNG HÀ. *Nếp sống gia đình ở khu đô thị mới (nghiên cứu trường hợp khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính)*

Chuyên ngành: Xã hội học

Mã số: 62 31 30 01

Hiện nay và trong tương lai, các khu đô thị mới xuất hiện ngày càng nhiều. Sự ra đời của hệ thống các nhà chung cư trong các khu đô thị mới đã hình thành nên những nét văn hóa, lối sống, cách ứng xử, mang đặc trưng riêng khác với những khu dân cư truyền thống. Với tư cách là một ngành khoa học nghiên cứu về xã hội, việc nghiên cứu những sự kiện mới xuất hiện trong mô hình các gia đình sống tại các khu chung cư mới là việc làm cần thiết, giúp chúng ta có cái nhìn khái quát về mô hình đời sống của các gia đình sống trong khu đô thị mới. Góp phần làm rõ vấn đề đặt ra, NCS. Nguyễn Hồng Hà đã lựa chọn vấn đề “*Nếp sống gia đình ở khu đô thị mới (nghiên cứu trường hợp khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính)*” làm đề tài nghiên cứu cho bản luận án của mình.

Trên cơ sở vận dụng lý thuyết xã hội học vào nghiên cứu thực nghiệm nếp sống, sinh hoạt của 300 mẫu nghiên cứu là các hộ gia đình sống ở chung cư cao tầng của khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính (TH-NC - gồm 14 tòa nhà có ký hiệu là “T”) trong thời điểm tháng 9/2007 và tháng 12/2010 thông qua tiến hành khảo sát (phương pháp quan sát có cấu trúc; phỏng vấn sâu và phỏng vấn bằng bảng hỏi), so sánh những biến đổi về nếp sống, sinh hoạt của các gia đình thuộc khu đô thị này, tác giả phân tích những đặc điểm của nếp sống gia đình sống ở

chung cư cao tầng khu đô thị TH-NC thông qua các mối quan hệ tương tác giữa các thành viên trong gia đình, những đặc trưng trong sinh hoạt hàng ngày của gia đình và các mối quan hệ xã hội của gia đình, qua đó đề xuất khuyến nghị.

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương (201 trang).

Chương I (tr.14-43) và *chương II* (tr.44-105) trình bày *cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài*; và *đặc trưng các hộ gia đình sống tại chung cư Trung Hòa - Nhân Chính*.

Lược sử vấn đề nghiên cứu, tác giả thấy rằng, những nghiên cứu về gia đình dưới những góc độ khác nhau của khoa học xã hội cũng được thực hiện từ rất lâu, tuy nhiên những nghiên cứu mang tính thực nghiệm, khảo sát thực tế về gia đình Việt Nam thì phải đợi tới khi chính thức hình thành ngành Xã hội học ở Việt Nam như một khoa học độc lập.

Gần đây, những nghiên cứu xã hội học về gia đình ở Việt Nam đã đặt ra vấn đề về sự thích ứng của gia đình Việt Nam trong bối cảnh biến chuyển xã hội để tiếp tục tồn tại và phát triển. Kế thừa các nghiên cứu đã có từ trước, trên cơ sở sử dụng hệ thống các lý thuyết (lý thuyết hành động xã hội, lý thuyết chức năng, lý thuyết tương tác biểu trưng), đồng thời xây dựng các khái niệm công cụ (nếp sống, lối sống; gia đình; cơ cấu nhân khẩu xã hội; khu đô thị; và chung cư), luận án tập trung xem xét nếp sống sinh hoạt của các gia đình khu đô thị mới dưới các tác động của các nhân tố kinh tế, xã hội, văn hóa xã hội.

Khu đô thị TH-NC được coi là một trung tâm mới của Hà Nội, bao gồm 14

tòa nhà với gần 1700 căn hộ, tuy nhiên trên thực tế số căn hộ có người chỉ chiếm 1/3 đến 1/2. Khu đô thị này chưa đáp ứng được yêu cầu của một khu đô thị cao cấp, bởi chưa có không gian công cộng đáp ứng nhu cầu của người dân. Chỉ có một khoảng sân lớn trước tòa nhà 34T có thể sử dụng cho trẻ em vui chơi và người già tập thể dục. Qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy, người dân ở đây có mức sống khá tốt và rất chú trọng đến việc cải thiện đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

Một số đặc trưng của hộ gia đình ở chung cư TH-NC cũng được tác giả nhận diện, là:

Thứ nhất, về cấu trúc gia đình, mô hình gia đình hạt nhân xuất hiện nhiều (gia đình có hai vợ chồng và con cái - chiếm 70,7%);

Thứ hai, về cơ cấu nhân khẩu, hộ gia đình mở rộng có xu hướng giảm dần, tỷ lệ thuận với sự tăng dần của trình độ học vấn. Tỷ lệ người dân có trình độ học vấn trên THPT chiếm số đông;

Thứ ba, về cơ cấu nghề nghiệp, tỷ lệ làm việc trong các cơ quan nhà nước ở nhóm gia đình có độ tuổi còn trẻ ít hơn so với các gia đình có nhóm tuổi từ 40 trở lên. Tương ứng, tỷ lệ làm việc trong khu vực doanh nghiệp của các gia đình có nhóm tuổi trẻ cao hơn so với các gia đình già. Điều đó cho thấy, khu đô thị này đã có sự chuyển đổi trong cơ cấu nghề nghiệp mà trước hết là tác động vào nhận thức của họ trong việc tìm kiếm cơ hội thay đổi nghề nghiệp. Nhiều gia đình trẻ cho rằng, môi trường làm việc và mức thu nhập là yếu tố quyết định sự lựa chọn nghề nghiệp chứ tính ổn định không phải là ưu tiên lựa chọn số một.

Thứ tư, về quan hệ lao động, tác giả xem xét dưới góc độ phân công lao động giữa vợ và chồng trong công việc nhà,

chăm sóc giáo dục con cái, nhằm hiểu rõ hơn về nếp sống gia đình, cụ thể:

- Có sự phân công theo giới trong phân công lao động giữa các thành viên trong gia đình. Những lựa chọn liên quan đến việc ra quyết định vẫn tập trung vào người chồng, còn việc thực thi thì lại là người vợ. 88,6% các cặp vợ chồng được hỏi cho rằng cả hai vợ chồng cùng tham gia làm việc nhà như nhau. Tuy nhiên, 70,9% hộ gia đình/300 mẫu nghiên cứu là có người giúp việc. Khi xem xét các gia đình không có người giúp việc thì tỷ lệ làm việc nhà vẫn do người phụ nữ đảm đương chính (93,3%), người chồng rảnh rỗi hơn (2,2%) và cả hai cùng tham gia làm việc nhà là 4,5%; Ngoài ra, với vấn đề chăm sóc con cái, các gia đình ở đây đều nhận thức rõ tầm quan trọng của học vấn đối với tương lai của con cái. Những cặp vợ chồng có trình độ đại học trở lên quan tâm tới việc học hành của con cái nhiều hơn.

- Hoạt động cộng đồng chủ yếu thu hút những người ở hai độ tuổi từ 25-34 (độ tuổi sinh sản, con cái còn nhỏ nên cần phải cho con đi chơi) hoặc là những người cao tuổi ở độ tuổi đã về hưu (sinh hoạt nhằm giữ gìn sức khỏe), và chủ yếu là nữ giới; Về ý thức của các thành viên tham gia các hoạt động cộng đồng, một số người dân còn giữ nếp sống sinh hoạt cũ trong một đô thị mới, gây ảnh hưởng không nhỏ đến những người xung quanh.

Chương III (tr.106-166) trình bày tương tác giữa các thành viên trong gia đình và quan hệ xã hội của gia đình.

1. *Tương tác cùng thế hệ* được xem xét trên các phương diện *sinh hoạt thường ngày và quan hệ ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, quản lý ngân sách trong gia đình, quan niệm về giá trị của con cái trong gia đình và mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình*, tác giả rút ra các nhận xét:

- Mô hình sống với bố mẹ có yếu tố khá quyết định trong việc lựa chọn hình thức đi chợ và tổ chức bữa ăn hàng ngày. Nếp sinh hoạt là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ của các thành viên trong gia đình. Các gia đình có bố mẹ già sống cùng vẫn duy trì nề nếp sinh hoạt ổn định, vẫn coi trọng bữa cơm gia đình, các thành viên trò chuyện vui vẻ nên việc xung đột ít xảy ra hoặc nếu có thì cũng ở mức độ nhẹ nhàng. Với những gia đình hạt nhân, chỉ có hai vợ chồng và con cái, do bận rộn việc cơ quan, việc đưa đón con cái đi học nên thường ít có thời gian chú tâm tới bữa cơm gia đình. Còn những gia đình mà người vợ có trình độ học vấn cao, lại là người tham gia đóng góp ngân sách chính trong gia đình thì họ có quá bận rộn nên khó thể đảm đương được vai trò của người nội trợ giỏi. Với những cặp vợ chồng có trình độ học vấn thấp lại không nhận thức được tầm quan trọng của việc tạo ra nề nếp sinh hoạt trong gia đình, các thành viên trong gia đình ít quan tâm tới nhau nên hay xảy ra mâu thuẫn.

- Mô hình giữ tiền theo quan niệm truyền thống khi người vợ được coi là “tay hòm chìa khóa” vẫn được duy trì (66,7% hộ là người vợ nắm giữ ngân sách gia đình, 27% hộ là do người chồng giữ, và chỉ có 6,3% hộ do bố mẹ vợ (chồng) nắm giữ). Hầu hết trường hợp thì người quyết định chính các công việc lớn trong gia đình vẫn thuộc về người chồng. Tuy nhiên, khi vợ là người giữ ngân sách chính thì tỷ lệ quyết định của hai vợ chồng như nhau (84,5%). Trong khi đó, nếu là bố mẹ vợ (chồng) nắm giữ ngân sách thì người vợ hoàn toàn không có quyền tự quyết định các công việc lớn trong gia đình với tỷ lệ tương ứng là 0%, còn người chồng có vai trò quyết định (94,7%) và có sự bàn bạc giữa vợ và chồng là 5,3%.

- Hầu hết các cặp vợ chồng đều coi trọng việc sinh con và với họ thì “phải có con mới gọi là gia đình”. Tuy nhiên, họ không cho việc có con là để trông nhờ lúc tuổi già và nhất thiết phải sinh con trai để nối dõi tông đường là vấn đề quan trọng.

2. *Tương tác liên thế hệ*, khi xem xét các gia đình gia đình truyền thống ba thế hệ sống cùng nhau tác giả nhận thấy, vẫn có mối liên hệ chặt chẽ giữa bố mẹ già và các cặp vợ chồng với sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa con cái với bố mẹ già của cả vợ và chồng. Có lẽ đây cũng là yếu tố ảnh hưởng tới quan niệm sinh con trai, con gái của các cặp vợ chồng ở đây. Các cặp vợ chồng trẻ có mức thu nhập cao vẫn phải thừa nhận sự giúp đỡ của ông bà là rất cần thiết để họ có thể yên tâm chuyện gia đình, con cái để tập trung làm kinh tế.

Ngoài ra, tác giả cũng chú ý tới mâu thuẫn giữa các cặp vợ chồng với bố mẹ già trong gia đình, nhất là những gia đình có hình thức sống đa thế hệ. Cũng có trường hợp bố mẹ can thiệp quá sâu vào đời sống riêng tư của các con và thậm chí có những bố mẹ áp đặt ý kiến của mình và bắt buộc các con nghe theo, mặc dù họ đã trưởng thành. Tuy nhiên, số này rất ít và thường rơi vào các gia đình có bố mẹ là người đóng góp ngân sách chính.

3. *Tương tác trong quan hệ cộng đồng*, kết quả khảo sát cho thấy mối quan hệ hàng xóm láng giềng ở khu vực này khá lỏng lẻo. Các hộ sống ở đây không biết nhiều về nhau cũng như không có mối quan hệ thân tình như ở các khu dân cư truyền thống. Hầu hết họ “chỉ chào hỏi nhau khi gặp mặt” và rất ít có hình thức quan hệ như “sang nhà nhau chơi” hay “giúp đỡ nhau khi cần”. Điều này có lẽ do đặc trưng của khu chung cư cao cấp tạo nên.

(xem tiếp trang 55)